

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường, theo quy định tại
Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Vành Khuyên

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục có địa điểm, trụ sở chính

Địa chỉ: 438 A Đào Sư Tích, Xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè. Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02837815665

Địa chỉ thư điện tử: c0vanhkhuyen.nhabe.tphcm@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://mnvanhkhuyennhabe.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Loại hình: Trường mầm non công lập,

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Huyện Nhà Bè

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: Chăm sóc và phát triển trẻ với tinh thần, trách nhiệm, tình yêu thương; xây dựng môi trường lành mạnh, an toàn và thân thiện. Tổ chức tốt nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành góp phần hoàn thành nhân cách cho trẻ; hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục; chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ vào lớp Một.

Tiếp nhận và quản lý trẻ em trong độ tuổi từ 06 tháng tuổi đến 05 tuổi.

Quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ em.

Quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

Chủ động kết hợp với các bậc cha mẹ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội nhằm tuyên truyền phổ biến những kiến thức về khoa học nuôi dạy trẻ em cho gia đình và cộng đồng.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và trẻ em của trường tham gia các hoạt động xã hội trong phạm vi cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Tầm nhìn: Xây dựng trường đạt chuẩn về chăm sóc và giáo dục trẻ, phát triển

tối đa những tố chất, kỹ năng, năng khiếu của trẻ trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu: Xây dựng trường mầm non có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3-5 tuổi. Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Năm học 1994 - 1995 trường chỉ có một điểm, đến năm 1996 trường có 02 điểm, 03 phòng học, đến năm 1997 trường phát triển thêm gồm có 04 điểm và 04 phòng học (trong đó có 01 phòng học mượn tạm trường tiểu học). Đến năm 1998 trường được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ra Quyết định tách và lập mới trường Mầm non Vành Khuyên gồm có 05 phòng học tại 04 điểm, diện tích nhỏ hẹp, khuôn viên không đủ diện tích để trẻ vui chơi. Năm học 2002 - 2003 trường được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cho xây dựng cơ sở mới và đưa vào sử dụng với quy mô 10 phòng học, 10 phòng chức năng với tổng diện tích 6.940 m², tổng kinh phí xây dựng 7.318 triệu đồng. Trường có tổng số trẻ đang học năm học 2023 - 2024 là 270 trẻ/10 lớp. Trường được công nhận Chuẩn quốc gia Mức độ 2 và đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2020.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Nguyễn Thị Thanh Phương, chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 438 A Đào Sư Tích, Xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè. Thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 0902791741

Địa chỉ thư điện tử: thanhphuong1971@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) *Quyết định thành lập, hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục:*

Quyết định số 03/1998/QĐ.UB.TC ngày 12 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc thành lập Trường mầm non Vành Khuyên.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Vành Khuyên nhiệm kỳ 2021-2025

Danh sách thành viên Hội đồng trường, bao gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ
2. Nguyễn Thanh Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc. Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền, Chủ tịch Công đoàn, Thành viên
4. Bà Lê Thị Ngọc Thụy, Bí thư Chi đoàn. Thành viên.
5. Bà Lại Cẩm Vi, Trưởng ban đại diện CMHS
6. Bà Phạm Thị Thúy Vân, Tổ trưởng tổ Chồi
7. Bà Lê Thị Duyên, Tổ trưởng tổ Lá

8. Bà Trương Thị Kiều Tiên, Tổ trưởng tổ Nhà trẻ - Mầm

9, Bà Nguyễn Thị Bích Lan, Tổ trưởng tổ văn phòng.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Vành Khuyên;

Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Vành Khuyên;

Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Vành Khuyên;

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Vành Khuyên có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 25 tháng tuổi đến 6 tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường: Tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo qui định của pháp luật.

+ Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.

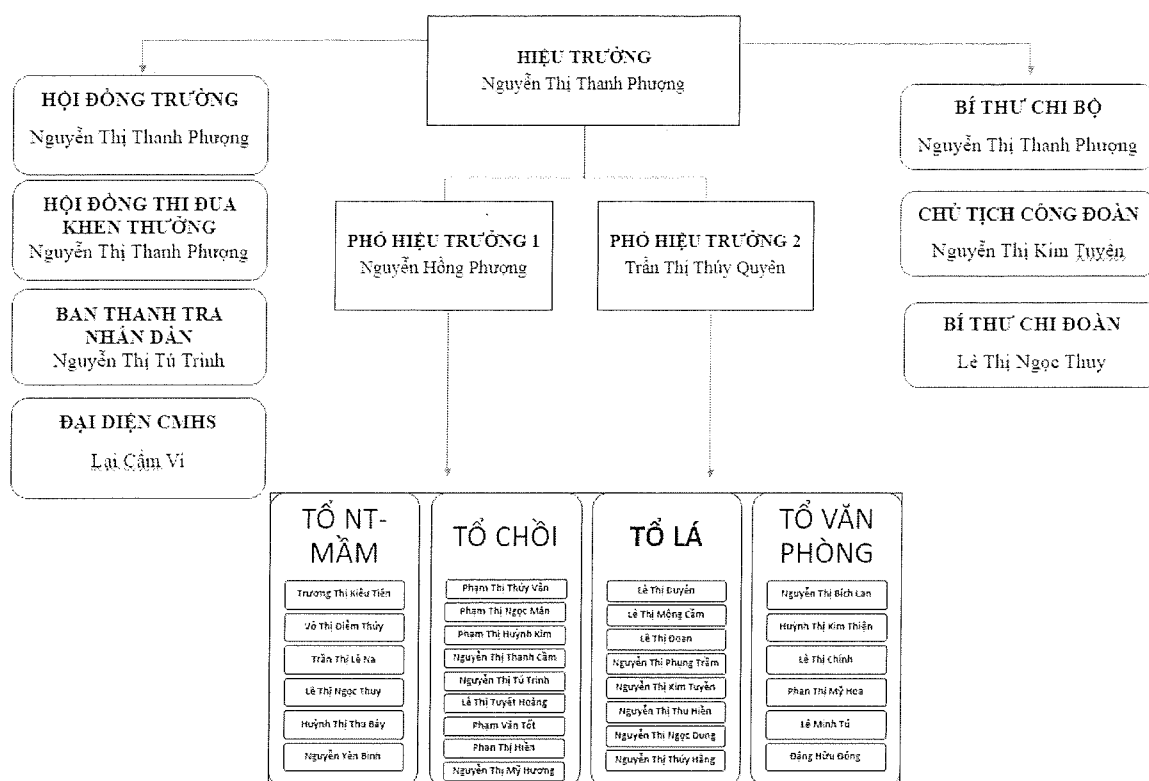
+ Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

+ Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

+ Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo qui định.

+ Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật.

Sơ đồ bộ máy nhà trường



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Nguyễn Thị Thanh Phương, chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 438 A Đào Sư Tích, Xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè. Thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại: 0902791741

Địa chỉ thư điện tử: thanhphuong1971@gmail.com

Nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật; thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ quản lý theo quy định; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục; phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

- Tham mưu trực tiếp với lãnh đạo các cấp về xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục. Thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp và duy trì số lượng trẻ trong độ tuổi đến trường nhằm thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi. Phối hợp với gia đình học sinh các tổ chức xã hội, chính quyền địa phương để thực hiện tốt

công tác tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con theo khoa học, phòng chống dịch bệnh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34						
I	Giáo viên	21		3	15	1	2	
1	Nhà trẻ	2		1	1			
2	Mẫu giáo	19		2	14	1	2	
II	Cán bộ quản lý	3		3				
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2				
III	Nhân viên	10						
1	Nhân viên văn thư	01						
2	Nhân viên kế toán	0				1		
3	Thủ quỹ	0						
4	Nhân viên y tế	1					1	
5	Nhân viên khác	8				1		7

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
-----	----------	----------------------	----------------------

1	Cán bộ quản lý	3	3
	Số lượng	2/2	3/3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	20	20
	Số lượng	20/20	20/20
	Tỷ lệ	100%	100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo qui định.

STT	Nội dung	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Cán bộ quản lý	2	3
	Số lượng	2/2	3/3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên	20	20
	Số lượng	20/20	20/20
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên	10	10
	Số lượng	10/10	10/10
	Tỷ lệ	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây trường,	6.940 m ²	6.940 m ²	Đạt
	Điểm trường	1	1	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	25.7 m ²	25.7 m ²	Đạt
2	Số lượng các khối phòng			
2.1	<i>Khối phòng hành chính, quản</i>			

	<i>trị</i>			
	+ Phòng hiệu trưởng	1	1	Đạt
	+ Phòng phó hiệu trưởng	2	2	Đạt
	+ Văn phòng	1	1	Đạt
	+ Phòng dành cho nhân viên	1	1	Đạt
	+ Phòng bảo vệ	1	1	Đạt
	+ Khu vệ sinh CB, GV, NV	3	3	Đạt
	+ Khu để xe CB, GV, NV	1	1	Đạt
2.2	<i>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.</i>			
2.2.1	+ Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	10	10	Đạt
	+ Phòng sinh hoạt chung , ngủ	10	10	Đạt
	+ Phòng vệ sinh	10	10	Đạt
	+ Hiên chơi	10	10	Đạt
	+ Kho nhóm, lớp	10	10	Đạt
2.2.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật.			
	+ Phòng giáo dục thể chất	1	1	Đạt
	+ Phòng giáo dục nghệ thuật.	1	1	Đạt
2.3	<i>Khối phòng tổ chức ăn</i>			
	+ Nhà bếp	1	1	Đạt
	+ Kho bếp	1	1	Đạt
2.4	<i>Khối phụ trợ</i>			
	+ Phòng họp	1	1	Đạt
	+ Phòng y tế	1	1	Đạt
	+ Nhà kho	1	1	Đạt

	+ Sân vườn	1	1	Đạt
3	Số lượng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	10	Đạt
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	15	15	Đạt
5	Các thiết bị phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác			Đạt
	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	20	20	Đạt
	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	1	1	
	Bảng Active Bourd	1	1	
	Đàn	4	4	
	Máy pho to	1	1	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở, kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non Vành Khuyên tự đánh giá kiểm định chất lượng Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 vào 02/2020.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

Kết quả đánh giá và công nhận:

Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 2 (Quyết định số 3422/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 2).

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 (Quyết định số 1785-1/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3).

Trường thực hiện xây dựng kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá:

Kế hoạch số 191/KH-TMNVK ngày 29 tháng 8 năm 2022 về thực hiện cải tiến

chất lượng giáo dục năm học 2022-2023.

Báo cáo số 221/BC-TMNVK ngày 04 tháng 9 năm 2023 công tác thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá năm học 2022-2023.

Kế hoạch số 260/KH-TMNVK ngày 20 tháng 9 năm 2023 về thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023-2024.

Báo cáo số 127/BC-TMNVK ngày 14 tháng 5 năm 2024 công tác thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá năm học 2023-2024.

Kế hoạch số 127/KH-TMNVK ngày 14 tháng 5 năm 2024 về thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo kế hoạch số 151/KH-TMNVK ngày 24 tháng 5 năm 2024, có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh. Có tổ chức công khai trên trang web và công khai tại bảng tin của nhà trường.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Thường xuyên bồi dưỡng, chỉnh sửa cho giáo viên về cách lập kế hoạch chăm sóc giáo dục phù hợp với từng lứa tuổi, áp dụng bộ chuẩn 5 tuổi vào xây dựng kế hoạch giáo dục dành cho trẻ lớp Lá.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

Nhà trường thực hiện Quy chế phối hợp với Công an xã Phước Lộc trong bảo đảm an ninh, trật tự trường Mầm non Vành Khuyên:

- Quy chế số 243/QC-TMNVK ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc phối hợp thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự giữa trường Mầm non Vành Khuyên và Công an xã Phước Lộc.

- Quy chế số 287/QC-TMNVK ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc phối hợp thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự giữa trường Mầm non Vành Khuyên và Công an xã Phước Lộc.

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định. Xây dựng thực đơn hằng ngày trên phần mềm, đặt khẩu phần theo quy định gồm 2 bữa chính và 1 bữa phụ cho trẻ bán trú, khẩu phần cả ngày cho trẻ luôn đạt 50%-55% cho trẻ mẫu giáo và 65% - 70% cho trẻ nhà trẻ.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

STT	Nội dung	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024
1	Tổng số nhóm, lớp	10	10
	Tổng số trẻ em	262	270
	Số trẻ bình quân/nhóm, lớp	+ 25-36 tháng: 24 trẻ/ nhóm + Mầm: 28 trẻ/lớp + Chồi: 27 trẻ/lớp + Lá: 25 trẻ/lớp	+ 25-36 tháng: 24 trẻ/ nhóm + Mầm: 28 trẻ/lớp + Chồi: 27 trẻ/lớp + Lá: 25 trẻ/lớp
2	Số trẻ em nhóm ghép	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	262	270
4	Số trẻ em được ăn bán trú	262	270
5	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ	262	270
	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	262	270
6	Kết quả thực hiện phổ cập mầm non cho trẻ em 05 tuổi.	99	106
7	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo

Nội dung	Thu năm học 2023 - 2024
Nguồn 12	274.250

Nguồn 13	4.306.680
Nguồn 14	2.718.612
Học phí	297.550
Anh văn	293.750
Nhịp điệu	92.821
Kỹ năng sống	104.673
Phục vụ bán trú, vệ sinh	357.987
Trang thiết bị vật dụng bán trú	49.320
Phục vụ ăn sáng	254.334
Tổ chức phục vụ bán trú hè	121.200
Ăn trưa	1.573.280
Nước uống	24.705
Học phẩm; Học cụ - Học liệu	45.605
Khám sức khỏe	5.160
Dịch vụ tiện ích UDCNTT và CD số (enetviet)	7.240
Đồng phục học sinh	18.700
Bảo hiểm tai nạn	6.277
Quỹ phát triển sự nghiệp	32.007
Quỹ bổ sung thu nhập	171.845
Quỹ khen thưởng	32.785
Quỹ phúc lợi	59.310
TỔNG	10.848.091

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học

(học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Nội dung	Chi năm học 2023 - 2024 (ngân sách)
Lương theo ngạch bậc được duyệt	1.439.154
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	322.000
Chức vụ	35.091
PC thêm giờ	179.666
PC ưu đãi nghề	503.136
PC trách nhiệm	5.252
PC thâm niên vượt khung	10.512
PC thâm niên nhà giáo	180.629
Bảo hiểm xã hội	337.856
Bảo hiểm y tế	59.621
Kinh phí công đoàn	39.748
Bảo hiểm thất nghiệp	19.874
Bảo hiểm tai nạn lao động	9.937
Hỗ trợ chế độ mầm non NQ01 (25%, 35%)	388.598
Hỗ trợ chế độ mầm non NQ04 chi phụ cấp đặc biệt khác của ngành (bằng cấp)	203.400
Hỗ trợ chế độ mầm non NQ04 chi phụ cấp đặc biệt khác của ngành (áp lực)	124.800
Trợ cấp vùng sâu	210.000
Hỗ trợ chi phí học tập	2.100
Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ	2.240
Thanh toán tiền điện	47.854
Thanh toán tiền nước	12.966

Khoản công tác phí	17.200
Chi phí khác	133.450
Chi các khoản khác	1.987
Quỹ bổ sung thu nhập	154.708
Chi lập quỹ phúc lợi	51.569
Chi lập Quỹ khen thưởng	25.785
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	25.784
Cấp bù học phí	1.400
Chi NQ03, NQ08	1.625.485
Tổng cộng	6.171.802

c) Chi nguồn sự nghiệp

Nội dung	Năm học 2023 - 2024
Chi tiền lương, tiền công và chi phí khác cho giáo viên, nhân viên	803.126
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	466.954

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí trong năm học:

Nội dung	Thu năm học 2023-2024
Học phí/tháng	Nhà trẻ: 120.000 đồng Mẫu giáo: 100.000 đồng
Tiền tổ chức phục vụ, quản lý/tháng	Nhà trẻ: 149.000 đồng Mẫu giáo: 149.000 đồng
Vệ sinh bán trú	20.000 đồng
Tiền công trả nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết 04/2017/NĐ-HĐND/tháng	Nhà trẻ: 0 đồng Mẫu giáo: 0 đồng
Công phục vụ ăn sáng/tháng	115.000 đồng
Nhịp điệu/tháng	57.000 đồng

Anh văn/tháng	250.000 đồng
Kỹ năng sống/tháng	69.000 đồng
Thiết bị vật dụng bán trú/năm	180.000 đồng
Tiền nước uống/tháng	10.000 đồng
Tiền ăn trưa/ngày	31.000 đồng
Tiền ăn sáng/ngày	9.000 đồng
Học cụ - học liệu/năm	Nhà trẻ: 115.000 đồng Mẫu giáo: 170.000 đồng
Khám sức khỏe học sinh ban đầu/năm	15.000 đồng
Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Thông tin liên lạc điện tử giữa nhà trường và phụ huynh) (hs/tháng)	20.000 đồng
Tiền mua sắm đồng phục học sinh/bộ	85.000 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Nội dung	Năm học 2023-2024	
	Số học sinh	Số tiền
Miễn giảm học phí, trong đó:	7	4.950
+ Hỗ trợ học phí cho người dân tộc	2	1.800
+ Hỗ trợ cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo	5	3.150
Hỗ trợ ăn trưa (160.000đ/tháng/HS x 9 tháng)	2	2.880
Chi phí học tập (150.000đ/tháng/HS x 9 tháng)	2	2.700

4. Số dư các quỹ theo quy định:

Nội dung	Năm 2023
Quỹ phát triển sự nghiệp	32.007

Quỹ bổ sung thu nhập	171.845
Quỹ khen thưởng	32.785
Quỹ phúc lợi	59.310
CCTL	163.916

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Thực hiện theo Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Cán bộ quản lý tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

Trường có 19/21, đạt 90.48% đạt chuẩn trình độ, còn 02 giáo viên đang học nâng chuẩn từ trung cấp lên Cao đẳng, Đại học, Dự kiến năm 2025 tốt nghiệp nâng tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn: 100%

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án tự chủ tài chính của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

- Nhà trường tích cực tham mưu với ủy ban nhân dân xã Phước Lộc vận động trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp và tham gia học bán trú đạt 100%.

- Đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa tại trường, trong năm học 2023-2024 đã vận động cha mẹ trẻ hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi cho lớp, đất trồng cây; 270 quà Tết Thiếu nhi 01/6; 270 phần quà cho trẻ em nhân ngày Tết Trung thu; 27 phần quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn; 06 suất học bổng.

- Tăng cường kiểm tra cơ sở vật chất và chất lượng chuyên môn của đội ngũ, tham mưu các cấp lãnh đạo bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu

của trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường thực hiện tốt việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2023-2024.

Công khai trên cổng thông tin điện tử nhà trường hình ảnh các hoạt động như: tuyển sinh, đoàn thể, bài viết tuyên truyền, tin tức sự kiện...

Tiếp tục phát huy, đẩy mạnh phong trào thiết kế các video hướng dẫn nhằm phục vụ hoạt động giáo dục trẻ bằng các phần mềm, ứng dụng như: PowerPoint; Canva, Capcut, Viva video, ... một cách hiệu quả.

Thực hiện việc cập nhật kho dữ liệu bài giảng trực tuyến chung của nhà trường.

Nhà trường ứng dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý trường học, lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý chương trình GDMN của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý như: IMAS – phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm

Quản lý phần mềm Tính khẩu phần bán trú - Bảo Công nghệ, phần mềm Kiểm định chất lượng; TEMIS - phần mềm đánh giá chuẩn nghề nghiệp

CBQL, GV... thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch giáo dục bằng chương trình Edubot.

100% CB, GV sử dụng và áp dụng việc thiết kế các bài giảng bằng các phần mềm trong công tác tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ giữa gia đình – nhà trường và cộng đồng, tuyên truyền để cha mẹ trẻ tham gia tích cực các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với tình hình dịch bệnh như: Tay chân miệng, Marburg, sốt xuất huyết...

Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục mầm non:

+ Cổng thông tin điện tử nhà trường

+ Phần mềm cơ sở dữ liệu

+ Phần mềm cán bộ công chức

+ Phần mềm Bảo Công nghệ

+ Phần mềm Imax, Emax...

+ Phần mềm Quản lý TSNN

+ Phần mềm quản lý văn bản đi, đến

...

+ Trang thông tin điện tử: <https://mamnonvanganhq5.hcm.edu.vn/>

+ Chữ ký số,

5. Công tác truyền thông

- Nhà trường đã tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin qua bài viết, tranh ảnh về dinh dưỡng sức khỏe, về chuyên môn, cập nhật các thông tin thiết thực đến phụ

- Tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về quyền trẻ em, luật bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em cũng như vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và toàn xã hội qua bản tin của trường, lớp, cổng thông tin của đơn vị qua các kênh liên lạc khác nhau: trực tiếp hay gián tiếp như trao đổi với phụ huynh qua giờ đón trả trẻ hoặc qua zalo nhóm lớp, bản tin của trường lớp và qua cổng thông tin của trường... Khai thác nguồn Internet, lựa chọn thông tin phổ biến kiến thức khoa học về nuôi dạy con cho các bậc cha mẹ, đề phụ huynh và xã hội đề phụ huynh phối hợp tốt cùng nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

Website trường: <https://mnvanhkhuyennhabe.hcm.edu.vn/>.

- Các bộ phận;
- PHHS;
- Webside trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thanh Phương

